

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KRÔNG NĂNG  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2021/DS-ST

Ngày 26 tháng 5 năm 2021

Về tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Cảnh Toàn**.

Các hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Chinh** và ông **Y Míp Niê**.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Thùy Dung** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng** tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Đăng Khoa** – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Krông Năng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 162/2020/TLST-DS ngày 02/10/2020, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2021/QĐXXST-DS ngày 02/4/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2021/QĐST-DS ngày 20/4/2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 05/2021/TB-TA ngày 10/5/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần B.

Địa chỉ: Số 210, TQK, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông **Phạm Doãn S** – chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 26/8/2020): Ông **Phan Duy T** – Giám đốc PGD K – Chi nhánh Đ.

Địa chỉ: 75, NTT, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- Bị đơn: Bà **Đinh Thị Hiền**.

Địa chỉ: thôn B, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Thẩm Văn Đ**.

Địa chỉ: thôn B, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Đã chết.

2. Chị **Thẩm Ngọc T**.

3. Anh **Thẩm Hồng Q**.

4. Anh **Thẩm Hồng T**.

Địa chỉ: thôn B, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Đều vắng mặt.

5. Ông Thẩm Văn H, bà Nông Thị T.

Địa chỉ: thôn B, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện ngày 13/8/2020 và bản tự khai vào ngày 13/11/2020, ông Phan Duy T trình bày: Ngày 22/02/2018, bà Đinh Thị H có nợ hồ sơ vay vốn tại Ngân hàng TMCP B – PGD K. Ngày 28/02/2018, bà Đinh Thị H cùng chồng là ông Thẩm Văn Đ đã ký kết hợp đồng để vay vốn tại Ngân hàng TMCP B – PGD K và được giải ngân theo hợp đồng tín dụng số HĐTD6622018193, cụ thể: Số tiền vay: 260.000.000 đồng, phương thức cho vay: từng lần, mục đích cho vay: thanh toán chi phí chăm sóc cả phê, hồ tiêu, thời hạn cho vay: 12 tháng, hình thức trả nợ: gốc trả cuối kỳ (ngày 28/02/2019 phải trả số tiền 260.000.000 đồng), lãi suất là 10,5%/ năm và phải trả cùng kỳ gốc theo dư nợ thực tế. Số tiền ngân hàng đã giải ngân là 260.000.000 đồng. Kể từ ngày 28/02/2019, bà Đinh Thị H và ông Thẩm Văn Đ đã vi phạm hợp đồng tín dụng khi không thực hiện đúng cam kết đã thỏa thuận trong hợp đồng, không trả nợ gốc và nợ lãi đúng hạn.

Trong suốt thời gian qua, phía Ngân hàng TMCP B – PGD K đã gọi điện, đến nhà riêng để làm việc nhưng ông Thẩm Văn Đ đã chết, bà Đinh Thị H không có ở nhà và cố tính trốn tránh trả nợ ngân hàng.

Nay ngân hàng TMCP B – PGD K đề nghị bà Đinh Thị H phải trả toàn bộ dư nợ còn lại cho Ngân hàng TMCP B – PGD K, tạm tính đến ngày 13/8/2020 là 366.689.881 đồng (trong đó: nợ gốc 259.994.503 đồng + nợ lãi 78.511.889 đồng + lãi phạt 28.183.489 đồng).

Trường hợp bà Đinh Thị H không còn đủ khả năng trả nợ cho Ngân hàng TMCP B – PGD K thì đề nghị xử lý các tài sản đã bảo đảm các tài sản khác của bà Đinh Thị H và cùng tất cả các thu nhập để trả cho Ngân hàng TMCP B – PGD K đến khi hoàn thành hết các nghĩa vụ với Ngân hàng TMCP B – PGD K.

- Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập làm việc, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tiến hành tổng đạt, niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và thông báo mở phiên tòa theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng bị đơn là bà Đinh Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Thẩm Ngọc T, anh Thẩm Hồng Q, anh Thẩm Hồng T đều vắng mặt không có lý do.

- Đối với bị đơn là ông Thẩm Văn Đ, qua xác minh tại chính quyền địa phương tại trích lục khai tử số 58/2018/TLKT ngày 22/11/2018 thì ông Thẩm Văn Đ đã chết vào lúc 11 giờ 00 phút, ngày 19/11/2018 tại thôn X – xã P – huyện K – tỉnh Đắk Lắk.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/12/2020, ông Thẩm Văn H và bà Nông Thị T khai: Anh Thẩm Văn Đ là con đẻ của vợ chồng tôi và anh Đ đã chết vào khoảng cuối năm 2018. Nguyên nhân chết theo chúng tôi nắm được là do tự tử.

Về gia đình thì anh Đ có vợ là chị Đinh Thị H, các con đẻ là Thẩm Hồng Q,

Thẩm Hồng T, Thẩm Ngọc T. Ngoài ra thì anh Đ không có vợ, con khác.

Việc vay tiền của vợ chồng anh Đ, chị H với Ngân hàng TMCP B như thế nào thì chúng tôi không biết vì chúng tôi không cùng ở với gia đình anh Đ, chị H.

Hiện nay Ngân hàng TMCP B khởi kiện chị H có liên quan đến anh Thẩm Văn Đ thì chúng tôi không có ý kiến gì.

Do anh Đ đã chết và có liên quan đến quyền và nghĩa vụ đối với chúng tôi (là bố mẹ đẻ anh Đ) thì chúng tôi không có ý kiến hay yêu cầu gì về việc trả nợ cũng như xử lý tài sản đối với anh Thẩm Văn Đ.

Đối với quyền và nghĩa vụ của anh Đ thì chúng tôi không có ý kiến, hay yêu cầu nào. Việc ngân hàng khởi kiện thì giải quyết theo quy định và chúng tôi xin được từ chối làm việc, tham gia tố tụng cũng như vắng mặt tại các buổi làm việc khi Tòa án yêu cầu.

Tại phiên toà, đại diện Ngân hàng TMCP B trình bày, trong quá trình thực hiện hợp đồng thì ông Thẩm Văn Đ, bà Đinh Thị H chưa trả nợ (cả gốc và lãi) cho ngân hàng, mặc dù đã đến hạn và nay đã quá hạn như hợp đồng mà các bên đã ký kết.

Đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu như đơn khởi kiện về số nợ gốc 259.994.503 đồng và lãi suất tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/5/2021) bao gồm nợ lãi 103.977.104 đồng (trong đó: lãi trong hạn 31.232.055 đồng + lãi quá hạn: 72.745.049 đồng) và lãi phạt 43.363.321 đồng (trong đó: lãi phạt gốc 36.372.525 đồng + lãi phạt lãi 6.990.796 đồng), tổng cộng 407.334.928 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án đã thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng và đủ tư cách các đương sự. Tại phiên toà, Thẩm phán điều hành trình tự theo đúng thủ tục, các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung tranh chấp: Đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP B. Áp dụng các Điều 463, 466 và Điều 468 BLDS để buộc bà Đinh Thị H trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền đã vay và nợ, trong đó gốc 259.994.503 đồng và lãi suất (bao gồm nợ lãi và lãi phạt) tạm tính đến ngày 26/5/2021 là 147.340.425 đồng, tổng cộng 407.334.928 đồng. Bà Đinh Thị H phải chịu lãi phạt sinh kể từ ngày 27/5/2021 đến khi trả xong nợ theo mức lãi như các hợp đồng đã ký. Sau khi bà H trả xong nợ thì ngân hàng phải trả lại giấy chứng nhận QSD đất cho bà H; nếu không trả hoặc trả không đủ khi bản án đã có hiệu lực pháp luật thì ngân hàng có quyền xử lý các tài sản đã thế chấp theo thủ tục thi hành án dân sự. Về án phí, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định và hoàn trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào ý kiến của đương sự tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau :

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Ngân hàng TMCP B khởi kiện bà Đinh Thị H, về việc phải thanh toán cho ngân hàng khoản nợ theo hợp đồng tín dụng số HDTD6622018193 ngày 28/02/2018. Quan hệ tranh chấp được xác định là tranh chấp về hợp đồng dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn là bà Đinh Thị H có hộ khẩu thường trú tại thôn B, thị trấn K, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS, xác định vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng.

[1.3] Bị đơn bà Đinh Thị H và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Thẩm Ngọc T, anh Thẩm Hồng Q, anh Thẩm Hồng T mặc dù đã được Tòa án tiến hành thủ tục tố tụng nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Thẩm Văn H, bà Nông Thị T có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về tiền nợ gốc: Ông Thẩm Văn Đ và bà Đinh Thị H có giao kết với Ngân hàng TMCP B – CN Đ – PGD K hợp đồng tín dụng số HDTD6622018193 ngày 28/02/2018 để vay số tiền 260.000.000 đồng. Tại giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 6622018193/01 ngày 28/02/2018 thì số tiền đã giải ngân là 260.000.000 đồng, ngày giải ngân là 28/02/2018, thời hạn vay từ ngày 01/3/2018 đến hết ngày 28/02/2019, kỳ trả nợ gốc và trả nợ lãi xác định ngày trả nợ cuối cùng là 28/02/2019.

Xét hợp đồng tín dụng và giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ đã được giao kết theo đúng trình tự thủ tục quy định của pháp luật. Hợp đồng tín dụng và giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ là hợp pháp để các bên thực hiện. Quá trình thực hiện hợp đồng cũng như đến nay, ông Đồng và bà Hiền chưa trả nợ như cam kết đã thỏa thuận trong hợp đồng, giấy khế ước nhận nợ nên vi phạm nghĩa vụ thanh toán (trả nợ gốc, nợ lãi khi đến hạn) mặc dù đã được Ngân hàng thông báo, nhắc nhở nhiều lần.

Như vậy, ông Thẩm Văn Đ và bà Đinh Thị H đã vi phạm thời hạn kỳ trả nợ gốc, lãi đã được các bên ký kết, lỗi hoàn toàn thuộc về bên vay. Ngân hàng TMCP B yêu cầu bà Đinh Thị H phải hoàn trả số tiền nợ gốc là 259.994.503 đồng là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[2.2] Về tiền nợ lãi: Khi ký kết hợp đồng cũng như giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ, các bên thỏa thuận lãi suất cho vay tại ngày giải ngân là 10,5%/năm... Xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận. Ông Thẩm Văn Đ, bà Đinh Thị H chưa trả cho Ngân hàng TMCP B được khoản lãi suất nào. Xét yêu cầu tính lãi suất (bao gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn) của số thực nợ (259.994.503 đồng) mà ông Đ, bà H đã nợ ngân hàng theo mức lãi như các hợp đồng và khế ước nhận nợ đã ký là có căn cứ.

Như vậy, tính đến ngày 26/5/2021, ông Thẩm Văn Đ, bà Đinh Thị H đã nợ Ngân hàng TMCP B số tiền gốc là 259.994.503 đồng và lãi suất bao gồm nợ lãi 103.977.104 đồng (trong đó: lãi trong hạn 31.232.055 đồng + lãi quá hạn: 72.745.049 đồng) và lãi

phạt 43.363.321 đồng (trong đó: lãi phạt gốc 36.372.525 đồng + lãi phạt lãi 6.990.796 đồng), tổng cộng 407.334.928 đồng.

[2.3] Do ông Thẩm Văn Đ đã chết nên bà Đinh Thị H phải kế thừa về nghĩa vụ đối với ông Đ. Bà Đinh Thị H phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền nợ gốc là 259.994.503 đồng và nợ lãi 103.977.104 đồng + lãi phạt 43.363.321 đồng, tổng cộng 407.334.928 đồng.

Bà Đinh Thị H phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng số HDTD6622018193 ngày 28/02/2018 và giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 6622018193/01 ngày 28/02/2018 kể từ ngày 27/5/2021 cho đến khi trả hết nợ.

[2.4] Về tài sản thế chấp: Xét hợp đồng thế chấp số 75/2018/HĐTC/PGDK ngày 26/02/2018 giữa bên thế chấp ông Thẩm Văn Đ, bà Đinh Thị H với bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP B – CN Đ – PGD K đều có chữ ký của các bên và đã được công chứng tại tổ chức công chứng có thẩm quyền nên việc thế chấp này là hợp pháp.

Trường hợp bà Đinh Thị H thanh toán hết khoản nợ trên cho ngân hàng TMCP B thì ngân hàng có trách nhiệm trả lại giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 368938 do UBND huyện K cấp ngày 08/12/2018 cho hộ ông Thẩm Văn Đ, bà Đinh Thị H.

Nếu bà H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán nợ cho ngân hàng TMCP B thì sau khi bản án có hiệu lực, ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án kê biên, phát mãi đối với tài sản đã thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất theo các giấy chứng nhận QSD đất số CC 368938 để thu hồi nợ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Đinh Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm sau khi đã được tính, cụ thể là 20.293.000 đồng.

Nguyên đơn ngân hàng TMCP B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH :**

Căn cứ vào các Điều 299, 463 và 466 của Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 và 98 của Luật các tổ chức tín dụng; Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B.

1.2. Buộc bà Đinh Thị H phải trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền 407.334.928 đồng (trong đó nợ gốc 259.994.503 đồng + nợ lãi tính đến ngày 26/5/2021 là 147.340.425 đồng).

Bà Đinh Thị H phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng số HDTD6622018193 ngày 28/02/2018 và giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 6622018193/01 ngày 28/02/2018 kể từ ngày 27/5/2021 cho đến khi trả hết nợ.

1.3. Trường hợp bà Đinh Thị H thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP B thì ngân hàng có trách nhiệm trả lại giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 368938 do UBND huyện K cấp ngày 08/12/2018 cho hộ ông Thẩm Văn Đ, bà Đinh Thị H.

1.4. Nếu bà H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán nợ cho ngân hàng TMCP B thì sau khi bản án có hiệu lực, ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án kê biên, phát mãi đối với tài sản đã thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất theo các giấy chứng nhận QSD đất số CC 368938 để thu hồi nợ.

2. Về án phí: Bà Đinh Thị H phải chịu 20.293.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền 9.167.000 đồng (do ông Nguyễn Thế T nộp) tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0009357 ngày 22/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng.

3. Về quyền kháng cáo: Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Những người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự;*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng;
- Chi cục THADS Krông Năng;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VPTA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

*Đã ký*

**Trần Cảnh Toàn**

